

# Giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội: CÁC MÔ HÌNH THỰC TIỄN VÀ QUAN ĐIỂM CỦA VIỆT NAM

TH.S PHẠM THỊ TÚY  
Học viện CTQG Hồ Chí Minh

**T**ăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là mục tiêu và ước vọng của tất cả các quốc gia, dân tộc và mọi thời đại. Tuy nhiên, việc đạt được mục tiêu kép này không hề dễ dàng, bởi có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng nhưng không đồng thời thực hiện được công bằng xã hội, hoặc đi vào "ảo vọng" công bằng xã hội mà không tính tới tiến bộ của nó là tăng trưởng kinh tế và trong thực tiễn đã có nhiều bằng chứng về sự đối lập giữa tăng trưởng và công bằng. Các chính sách dựa trên mục tiêu công bằng có thể dẫn đến triệt tiêu các động lực tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, một chính sách chỉ nhằm vào tăng trưởng có thể làm cho bất bình đẳng tăng lên. Vì vậy, vấn đề đặt ra là mối quan hệ hợp lý giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng sẽ như thế nào? Để lý giải được vấn đề này trước hết cần phải hiểu được phạm trù tăng trưởng: tiến bộ và công bằng xã hội cả về mặt lý luận lẫn trong thực tiễn cuộc sống.

## 1. Quan niệm về tăng trưởng tiến bộ và công bằng xã hội

Tăng trưởng kinh tế theo quan điểm của kinh tế học và kinh tế học phát triển được hiểu là sự tăng sản lượng thực tế của một nền kinh tế qua những khoảng thời gian nhất định (có thể tính năm này so với năm khác; trung bình trong một số năm hoặc so với năm gốc). Nói một cách cụ thể tăng trưởng kinh tế là sự tăng thêm về quy mô, sản lượng sản phẩm hàng

hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định. Tăng trưởng theo nghĩa này thường được đo lường bằng sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) theo thời gian hoặc tăng thu nhập theo đầu người. Nói cách khác tăng trưởng kinh tế chỉ thể hiện mặt lượng của nền kinh tế qua thời gian.

Khác với khái niệm tăng trưởng kinh tế – là cái có thể được xác định bằng những con số, thì khái niệm tiến bộ và công bằng xã hội mang tính chuẩn tắc, nghĩa là tùy thuộc nhiều vào quan điểm của con người. Chính những quan niệm khác nhau về công bằng – bình đẳng đã dẫn đến những cách hiểu khác nhau về quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội. Song trên bình diện chung, công bằng được hiểu theo hai nghĩa: công bằng theo chiều dọc và công

bằng theo chiều dọc. Công bằng theo chiều ngang nghĩa là đối xử như nhau với những người có đóng góp như nhau. Công bằng theo chiều dọc, nghĩa là đối xử khác nhau với những người có khác biệt bẩm sinh hoặc có các điều kiện xã hội khác nhau. Nếu công bằng theo chiều ngang được thực hiện bởi cơ chế thị trường thì công bằng theo chiều dọc cần có sự điều tiết của Chính phủ. Việc phân định và kết hợp công bằng theo chiều dọc và chiều ngang sẽ đảm bảo công bằng xã hội thực sự.

Như vậy, công bằng xã hội là một khái niệm rất rộng, hoàn chỉnh gồm cả yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Có thể bình đẳng – công bằng về phương diện kinh tế, nhưng chưa chắc có bình đẳng về các phương diện khác.



Thêu ren xuất khẩu.

Ảnh: NGOC CƯỜNG



## 2. Giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội – Một số mô hình tiêu biểu

Việc xác định rõ khái niệm và các tiêu chí về tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội dù không đơn giản nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề cơ bản là giữa tăng trưởng và công bằng xã hội nên có quan hệ với nhau như thế nào cho có hiệu quả? Phải chăng đó là hai quá trình đối nghịch nhau? Nếu vậy, tăng trưởng không thể đạt đến tiến bộ về mặt xã hội, không làm cho xã hội phát triển. Nếu không đối nghịch thì tự thân tăng trưởng kinh tế có tạo ra công bằng xã hội hay không? Công bằng xã hội chỉ là hệ quả của tăng trưởng kinh tế hay còn là điều kiện về tiến bộ của tăng trưởng?

Thực tế, các giả thuyết mà chúng ta nêu ra ở trên không phải là không có thực, mà nó đã từng diễn ra ở một số nền kinh tế, trong những giai đoạn nhất định. Và thực tiễn của sự vận động, phát triển ở những nền kinh tế đó đã khẳng định kết cục kinh tế tất yếu của sự "lệch pha" giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là mô hình không thể song hành với quá trình phát triển của một nền kinh tế. Bởi lẽ, trên thực tế, đối với mỗi xã hội, công bằng luôn luôn là ước muốn của con người ở mọi thời đại và vì vậy đã từng có không ít tư tưởng và học thuyết nhấn mạnh đến công bằng xã hội hơn là tăng trưởng kinh tế.

### a. Mô hình phát triển nhấn mạnh công bằng xã hội hơn tăng trưởng kinh tế

Lý thuyết này là quan điểm chủ đạo của đường lối phát triển kinh tế ở nhiều nước đi theo mô hình xã hội chủ

nghĩa trong những thập kỷ sau chiến tranh thế giới thứ II. Quan điểm này dựa trên lập luận là việc tập trung tài sản vào tay một nhóm người là trở ngại cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Và bất bình đẳng không chỉ được coi là sự tha hoá của phát triển mà còn cản trở sự phát triển. Từ đó họ cho rằng, việc phân phối lại là điều kiện cho tăng trưởng. Theo quan điểm này, các hình thức cách mạng như tước đoạt của người giàu chia cho người nghèo, tịch thu ruộng đất của địa chủ, tiêu diệt các tầng lớp tư sản và kinh doanh giàu có đã được thực hiện. Nền tảng cơ bản của các quan hệ phân phối là chủ nghĩa bình quân, duy trì bình đẳng theo quan điểm bình quân. Nhà nước thực hiện các chính sách phúc lợi rộng rãi bất chấp trình độ phát triển kinh tế đã đạt được. Mô hình này trên thực tế đã từng là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt trong thời kỳ

đầu của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh, nhưng đã không có cơ sở đứng vững. Và công bằng trong điều kiện như vậy hoặc đã trở thành lực cản tăng trưởng kinh tế hoặc làm nảy sinh những bất công lớn giữa một bên là những người lao động và một bên là bộ máy quyền lực. Những nỗ lực sửa đổi mô hình này trên nền tảng nhận thức không chính xác như đã nêu, đã không thành công và các nước đi theo nó đã phải chuyển sang kinh tế thị trường, ở đó tăng trưởng và bất bình đẳng được xem xét từ những quan điểm tiếp cận khác.

### b. Mô hình phát triển lấy con người làm trung tâm

Cùng với mô hình coi trọng công bằng xã hội hơn tăng trưởng kinh tế là hệ tư tưởng phát triển lấy con người làm trung tâm, đại biểu của mô hình này là David C.Korten và ông trình bày quan điểm của mình trong cuốn



Nghề nuôi ong lấy mật.

Ảnh: HỮU NAM



sách "Bước vào thế kỷ XXI: hành động tự nguyện và chương trình nghị sự toàn cầu" Nxb CTQG, H 1996. Theo ông phát triển lấy con người làm trung tâm là "một tiến trình qua đó các thành viên của xã hội tăng được những khả năng của cá nhân và dịch chế của mình để huy động và quản lý các nguồn lực nhằm tạo ra những thành quả bền vững và được phân phối công bằng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống phù hợp với nguyện vọng của họ" (Sđd tr119).

Như vậy, quan điểm lấy con người làm trung tâm của ông về thực chất là ủng hộ tính chất bền vững của cuộc sống con người và môi trường hơn là tăng sản lượng kinh tế. Đó là cơ sở của chiến lược tăng trưởng theo hướng công bằng là chiến lược "bắt đầu với công bằng, bằng cách phá vỡ các cơ cấu nhị nguyên và nhờ đó lấy công bằng làm nền tảng cho sự tăng trưởng tổng thể hay tăng trưởng đơn

thức" (Sđd tr 128). Có thể nói, chiến lược mà ông nêu ra rất hấp dẫn với công chúng nhưng mang nhiều sắc thái kêu gọi, mang tính tư tưởng hơn tính thực tiễn.

**c. Mô hình tăng trưởng kinh tế phải chấp nhận bất bình đẳng**

Tư tưởng chính của mô hình này là tăng trưởng kinh tế tất yếu dẫn đến bất bình đẳng. Nghĩa là tăng trưởng kinh tế được bảo đảm bằng bất bình đẳng trong phân phối và làm gia tăng sự bất bình đẳng. Lập luận của họ là: chỉ tầng lớp có thu nhập cao mới có khả năng tích lũy và do đó là nguồn đảm bảo đầu tư chủ yếu cho tăng trưởng nên bất kỳ sự phân phối nào làm giảm mức độ tập trung thu nhập này đều ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế. Lập luận này dựa trên cơ sở của sự phát triển CNTB. Nhờ quá trình tích tụ và tập trung tư bản kèm theo sự bản cùng hoá một tầng lớp đông đảo trong xã hội mà cuộc cách mạng công nghiệp có được lực đẩy phi thường. Nhà kinh tế học cổ điển Anh - David Ricacdo, đã lập luận theo hướng đó. Ông cho rằng, tăng trưởng kinh tế được đảm bảo bởi mức tiết kiệm cao của tầng lớp tư sản, và do đó, ông chống lại việc phân phối lại thu nhập bất lợi cho giai cấp tư sản. C.Mác cũng giải thích sự phát triển của CNTB bằng lập luận tương tự, mặc dù ông phản đối trật tự hiện có của CNTB. Ông chỉ ra quá trình phát triển của CNTB đã dẫn tới sự bất bình đẳng đến mức nó trở thành lực cản đối với sự phát triển tiếp theo. Kết quả của quan điểm này là 20% số người giàu nhất chiếm tới 83,7% của cải của xã hội; 20% số người được coi là giàu chiếm 11,7% của cải của xã hội và 20% số người khá (trung bình) chiếm 2,3% của cải của xã hội và 40% số người thuộc diện nghèo và rất nghèo

chỉ chiếm 3,3% của cải của xã hội. Như vậy, bất bình đẳng tăng lên trong quá trình tăng trưởng được giải thích như mô hình này. Và với mô hình này bất bình đẳng sẽ tăng lên liên tục theo đà tăng trưởng kinh tế và chỉ giảm đi khi xã hội đã đạt đến một trình độ phát triển kinh tế nhất định. Tuy nhiên, mô hình này cũng như mô hình ưu tiên công bằng hơn là tăng trưởng kinh tế đều không phải là mô hình nằm trong sự lựa chọn chiến lược phát triển của các quốc gia nói chung và quốc gia đang phát triển nói riêng.

**3. Một số định hướng cơ bản trong giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ xã hội trong giai đoạn hiện nay và quan điểm của Việt Nam**

Thực tiễn phát triển của những thập niên qua, đã cho người ta nhận thức được những hạn chế của việc chú trọng quá mức đến tăng trưởng (như mô hình phát triển TBCN) hoặc ngược lại, quá chú trọng đến công bằng (như mô hình XHCN). Vì vậy, vấn đề cần giải quyết là làm thế nào để vừa có tăng trưởng mà vẫn thực hiện được tiến bộ và công bằng xã hội.

Hiện nay người ta cho rằng có hai hướng chính cho vấn đề nêu trên là: giải quyết các nhu cầu cơ bản của con người và tái phân phối cùng với tăng trưởng.

Ở hướng thứ nhất: giải quyết các nhu cầu cơ bản của con người: là quan điểm được hình thành trong những năm 70 của thế kỷ XX và được các tổ chức quốc tế đặc biệt quan tâm. Chiến lược này chú trọng đến việc cung ứng các dịch vụ, coi đó là phương thức tái phân phối lợi nhuận do tăng trưởng kinh tế mang lại và tạo điều kiện để dân chúng có thể tham

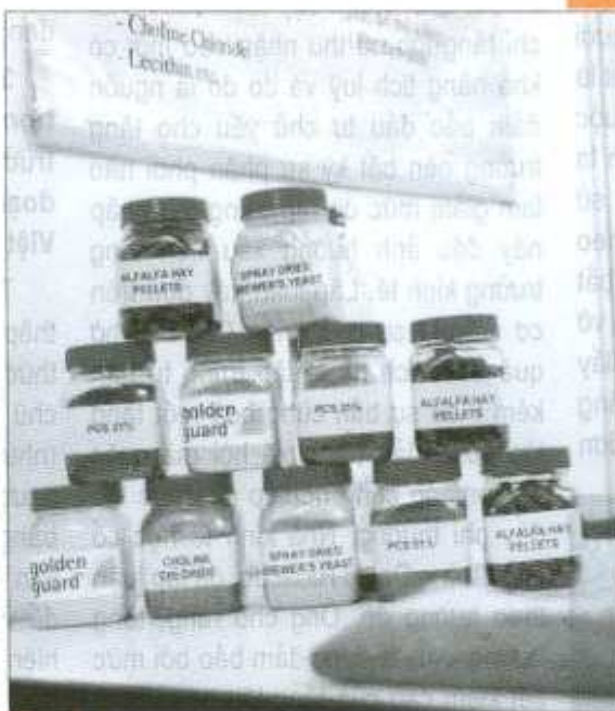




gia bình đẳng vào hệ thống kinh tế. Cơ sở lý luận của chiến lược này là tự bản thân thị trường không tự phân bổ thích đáng lợi nhuận do tăng trưởng kinh tế mang lại (nhất là thời kỳ đầu). Do đó, các Chính phủ cần tham gia để khắc phục những hạn chế của thị trường bằng cách chuyển của cải từ những người đã được hưởng lợi nhờ tăng trưởng sang tài trợ cho các dịch vụ bù đắp cho người nghèo. Các khoản tài trợ này vừa có tác dụng bù đắp cho những nhu cầu cần được thỏa mãn của chính họ về ăn, mặc, ở, sinh hoạt vừa chuẩn bị cho họ có một chỗ đứng trong lực lượng lao động như giáo dục, chăm sóc sức khỏe. Để thực hiện chiến lược này đòi hỏi phải thực hiện một loạt chính sách hỗ trợ như thực hiện thuế, lãi suất, giá cả ưu đãi... làm được điều này Chính phủ phải có một tiềm năng lớn về tài chính cùng những điều kiện khác. Song trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển lợi ích thu được từ tăng trưởng còn quá nhỏ. Do đó, chiến lược này về cơ bản là chương trình hành động xã hội nhiều hơn là một chiến lược tổng thể đảm bảo một cơ chế tương hỗ thực sự giữa tăng trưởng và công bằng. Nói cách khác đối với những nước ở giai đoạn đầu của sự phát triển, hoặc những nước đang và chậm phát triển mô hình này mang tính khả thi không cao.

Ở hướng thứ hai: thực hiện tái phân phối cùng với tăng trưởng hay nói cách khác đi là tăng trưởng với phân phối thu nhập được cải thiện hoặc tăng trưởng cùng chia sẻ. Đây là ý tưởng của World Bank (Ngân hàng thế giới) và được tổ chức này đề đầu

thực hiện. Phân phối lại cùng với tăng trưởng là con đường theo đó lợi ích thu được từ tăng trưởng kinh tế cần được phân phối lại sao cho cùng với thời gian, phân phối thu nhập dần dần được cải thiện hoặc không bị xấu đi trong quá trình tăng trưởng vẫn tiếp tục. Quan điểm tái phân phối cùng với tăng trưởng nhấn mạnh việc tăng khả năng sản xuất và sức mua của dân chúng. Ở mô hình này các chính sách của Chính phủ cần đảm bảo một sự



Nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc. Ảnh: N.C

phát triển sao cho người dân thấy những cơ hội kiếm tiền tốt hơn, đồng thời nhận được những nguồn lợi cần thiết để tạo ra lợi nhuận.

Từ những luận giải trên cho chúng ta thấy rằng quan điểm tăng trưởng đi liền với công bằng dựa trên một giả thiết rất quan trọng là công bằng không đối lập với tăng trưởng, ngược lại là một yếu tố góp phần vào tăng trưởng kinh tế và chúng ta – một nước đang phát triển, với năng lực phát triển còn hạn chế nên ý tưởng của

World Bank là một gợi mở cho sự lựa chọn hướng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội trong thực tiễn Việt Nam.

Tại Đại hội VIII, rồi cả Đại hội IX của Đảng đều xác định mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của nước ta trong thời kì từ năm 2000 đến những năm tiếp sau đó là phải đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ... phát triển nhanh, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Vượt qua tình trạng nước nghèo, kèm phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân.

Quan điểm của Đảng ta là tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển.

Công bằng xã hội thể hiện ở cả khâu phân phối kết quả sản xuất cũng như ở việc tạo điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng. Phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải quan tâm hơn tới tiến bộ xã hội và công bằng xã hội trong quá trình tăng trưởng kinh tế, nhất là trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, vấn đề là quan niệm như thế nào cho đúng về công bằng xã hội trong nền tăng trưởng kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội luôn là mục tiêu cơ bản mà Đảng ta, nhân dân ta không ngừng phấn đấu để đạt tới. Chúng ta không thể ngồi chờ kinh tế phát triển cao, dân giàu lên mới thực hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội. Chúng ta cũng không thể hy sinh



► sự tiến bộ, công bằng xã hội để phát triển kinh tế một cách thuận tuý. Mà mỗi chính sách kinh tế của chúng ta đều nhằm mục tiêu phát triển xã hội, mỗi chính sách xã hội đều chứa đựng nội dung và ý nghĩa thúc đẩy kinh tế phát triển.

Công bằng xã hội trong phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ là việc điều hoà lợi ích, điều tiết phân phối lại thu nhập mà quan trọng hơn là phải bảo đảm cho mọi tầng lớp trong xã hội được hưởng các quyền lợi xã hội như giáo dục, chăm sóc sức khỏe, đào tạo nghề, được giúp đỡ lúc khó khăn, hoạn nạn. Công bằng xã hội đảm bảo cho mọi thành viên trong xã hội không ngừng nâng cao mức sống và tự khẳng định mình. Công bằng không phải là sự cào bằng, thực hiện chủ nghĩa bình quân. Vấn đề mấu chốt để thực hiện công bằng xã hội là phải gắn nó với tăng trưởng kinh tế.

Công bằng xã hội của nước ta gắn liền với CNXH. CNXH ở Việt Nam là sự thống nhất và phát triển biện chứng giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. CNXH sẽ tiến tới xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công và mưu cầu hạnh phúc cho mọi người, mọi gia đình và toàn xã hội. Đó là công bằng xã hội lớn nhất, triệt để nhất mà chúng ta phấn đấu. Mục tiêu lâu dài đó được cụ thể hóa cho giai đoạn trước mắt ở nước ta bằng khẩu hiệu toàn dân đoàn kết phấn đấu về sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh". Bằng khẩu hiệu đó, Đảng và Nhà nước ta chủ trương khuyến khích mọi người tham gia làm giàu chính đáng. Phấn đấu để người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì trở nên khá giả, người khá giả thì trở nên giàu có. Chúng ta

thừa nhận có một bộ phận dân cư, một số vùng giàu lên trước là cần thiết để thúc đẩy, hỗ trợ cho sự phát triển và tiến bộ chung. Đồng thời, phải có những chính sách kinh tế, xã hội đặc biệt để trợ giúp người nghèo, vùng nghèo khá dần lên.

Hiện có 2 loại quan niệm cho rằng: phát triển kinh tế nhanh nhưng phải chấp nhận phân hoá giàu nghèo trong xã hội lớn hơn, tiêu cực nhiều hơn hoặc xã hội bình đẳng hơn, phân hoá thấp hơn những tốc độ phát triển chậm.

Thực ra những quan niệm trên đều sai vì nó dựa trên một định đề không đúng: phát triển nhanh nhất thiết đòi hỏi phân hóa xã hội cao.

Bởi từ những phân tích ở phần trên và thực tế đã cho thấy, tăng trưởng nhanh không nhất thiết phải gia tăng bất bình đẳng. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng sự phân hoá xã hội, phân hoá giàu nghèo là một thực tế lịch sử ở nhiều quốc gia.

Do vậy, khi chuyển dịch nền kinh tế nước ta sang kinh tế thị trường, chúng ta chấp nhận sự chênh lệch giàu nghèo. Song chúng ta không đồng nhất sự phân hoá giàu nghèo với sự bất bình đẳng và bất công nói chung. Sự phân hóa giàu nghèo có tính hai mặt: mặt hợp lý (tức công

bằng) và mặt bất hợp lý (tức bất công). Nếu giàu nghèo là do tài năng và phẩm chất trong lao động, do những điều kiện khách quan chưa có thể khắc phục được thì xã hội phải chấp nhận thì đó là lẽ công bằng. Ngược lại, nếu làm giàu do lừa đảo, lợi dụng chức quyền, tham nhũng, làm ăn phi pháp, buôn lậu v.v... thì đó là sự bất công cần đấu tranh để từng bước xoá bỏ.

Và càng ngày người ta càng nhận thức được một cách rõ ràng là tăng trưởng kinh tế là điều kiện cần thiết khách quan để xoá bỏ những bất bình đẳng và bất công đã từng tồn tại hàng ngàn năm lịch sử. Thế nhưng tăng trưởng kinh tế cũng làm nảy sinh những bất bình đẳng mới. Những bất bình đẳng này tồn tại gắn liền với sự khác nhau về trí tuệ, năng lực và phẩm chất của cá nhân trong lao động, quản lý và hệ quả tất yếu là thu nhập không ngang nhau cho các thành viên khác nhau của xã hội không ngừng tăng lên những nhu cầu này được thoả mãn thì những nhu cầu mới lại nảy sinh, và xã hội không thể thoả mãn như nhau cho mọi thành viên trong xã hội. Như vậy, tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế thị trường luôn làm nảy sinh và tạo điều kiện để giải quyết những mâu thuẫn trong vấn đề công bằng xã hội./ ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng CSVN lần thứ VI, VIII, IX
- 2/ Giáo trình "Kinh tế phát triển" – khoa Kinh tế phát triển – Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
- 3/ "Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Nhật Bản giai đoạn "thần kỳ" và Việt Nam giai đoạn "đổi mới", Nxb CTQG, H 1999.
- 4/ "Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở một số nước châu á và Việt Nam", Nxb CTQG, H1998.